

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định cơ quan thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và phân công, phân cấp cơ quan quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 808/TTr-SNN ngày 04 tháng 4 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cơ quan thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và việc phân công, phân cấp cơ quan quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Cơ quan thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp

1. Thực hiện theo phân công tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Trường hợp một cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy chứng nhận của từ hai đơn vị trở lên thì Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan để thực hiện thẩm định.

Điều 3. Phân công, phân cấp cơ quan quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp

Thực hiện theo phân công, phân cấp tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định, trình phê duyệt kinh phí từ nguồn ngân sách hàng năm cho các cơ quan thẩm định và cơ quan được phân công theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Định kỳ hàng tháng, các cơ quan thẩm định, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2019 và thay thế Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phân công nhiệm vụ kiểm tra, chứng nhận, quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Lập

PHỤ LỤC 1

Cơ quan thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	TÊN SẢN PHẨM/ NHÓM SẢN PHẨM	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH			
		Cơ sở sản xuất ban đầu không phải nhỏ lẻ	Cơ sở thu gom, sơ chế/ giết mổ	Cơ sở chế biến	Cơ sở kinh doanh/ vận chuyển
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Trồng trọt				
1.1	Ngũ cốc	Chi cục TT&BVT V	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS
1.2	Rau, củ, quả, và sản phẩm rau, củ, quả	Chi cục TT&BVT V	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS
1.3	Đường, ca cao	Chi cục TT&BVT V	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS
1.4	Các loại sản phẩm trồng trọt khác	Chi cục TT&BVT V	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS
1.5	Chè (trà), cà phê, hạt tiêu, điều		Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS
2	Sản phẩm động vật trên cạn				
2.1	- Thịt và các sản phẩm từ thịt - Trứng và các sản phẩm từ trứng	Chi cục CN&TY	Chi cục CN&TY	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục CN&TY
2.2	- Mật ong và sản phẩm từ mật ong - Tổ yến và sản phẩm từ	Chi cục CN&TY	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS

STT	TÊN SẢN PHẨM/ NHÓM SẢN PHẨM	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH			
		Cơ sở sản xuất ban đầu không phải nhỏ lẻ	Cơ sở thu gom, sơ chế/ giết mổ	Cơ sở chế biến	Cơ sở kinh doanh/ vận chuyển
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	tổ yến - Các loại sản phẩm động vật trên cạn khác				
2.3	Sữa tươi nguyên liệu	Chi cục CN&TY	Chi cục QLCL NLS&TS	Sở Công thương	Chi cục QLCL NLS&TS
3	Thủy sản				
3.1	Nuôi trồng	Chi cục Thủy sản	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS
3.2	Khai thác/đánh bắt	Chi cục Thủy sản (tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên)	Chi cục QLCL NLS&TS (bao gồm cảng cá và các cơ sở trong cảng cá)	Chi cục QLCL NLS&TS	Chi cục QLCL NLS&TS
4	Muối	Chi cục QLCL NLS&TS			
5	Dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	Chi cục QLCL NLS&TS			
6	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công	Chi cục QLCL NLS&TS			

STT	TÊN SẢN PHẨM/ NHÓM SẢN PHẨM	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH			
		Cơ sở sản xuất ban đầu không phải nhỏ lẻ	Cơ sở thu gom, sơ chế/ giết mổ	Cơ sở chế biến	Cơ sở kinh doanh/ vận chuyển
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	quản lý				
7	Nông sản thực phẩm khác	Chi cục QLCL NLS&TS			

*** Ghi chú:**

- Chi cục CN&TY: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.
- Chi cục TT&BVTV: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
- Chi cục QLCL NLS&TS: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

PHỤ LỤC 2

Phân công, phân cấp cơ quan quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG, LÂM, THỦY SẢN KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM	CƠ QUAN ĐƯỢC PHÂN CÔNG
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1	Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (Khoản 8, Điều 3 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP)	Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn
2	Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định, trừ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên	
3	Sơ chế nhỏ lẻ (Khoản 9, Điều 3 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP)	
4	Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ (Khoản 10, Điều 3 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP)	
5	Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn	